

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày 26-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Xuân Dệt

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 375 đường Hùng Vương, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A; cư trú tại tổ 12 (nay là tổ 03), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05-12-2018). *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim M.

Địa chỉ: 52/3 đường Huỳnh Thúc Kháng, tổ 03, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 05-12-2018 và tại bản tự khai ngày 05-12-2018 của bà Nguyễn Thị H và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị Kim M có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 21-12-2016 âm lịch (nhằm ngày 18-01-2017 năm dương lịch), bà M có vay của bà H số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) có viết giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận phương thức trả nợ là mỗi ngày bà M sẽ trả cho bà H 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) trong vòng 30 ngày, nếu bà M không trả được hàng ngày thì

sau thời hạn 10 tháng kể từ ngày vay 21-12-2016 âm lịch (nhằm ngày 18-01-2017 năm dương lịch), bà M phải trả hết số tiền này. Đến nay, đã quá hạn trả nợ nhưng bà M vẫn chưa trả cho bà H số tiền nợ trên, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim M trả cho bà số tiền nợ gốc là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), bà H không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định việc vay nợ không có lãi và thời hạn cho vay là 10 tháng, kể từ ngày 21-12-2016 âm lịch (nhằm ngày 18-01-2017 năm dương lịch), đến hạn trả nợ, mặc dù bà H nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà M vẫn không trả. Nay đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Kim M trả cho bà H số tiền nợ gốc 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

2. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Trần Thị Kim M. Tuy nhiên, bà Trần Thị Kim M không đến Tòa án để tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Kim M đều vắng mặt. Nên, bà Trần Thị Kim M không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, về nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Trần Thị Kim M phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Trần Thị Kim M có nơi cư trú 52/3 đường Huỳnh Thúc Kháng, tổ 03, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà Trần Thị Kim M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim M

[3] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền ngày 21-12-2016 Âm lịch (nhằm ngày 18-01-2017 năm dương lịch) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Theo đó, bà H có cho bà M vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn 10 tháng. Khi vay các bên có viết giấy mượn tiền và ký

xác nhận việc vay tiền. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà M và ghi tên “Trần Thị Kim M”, nguyên đơn cho rằng đến nay đã quá hạn trả nợ như đã thỏa thuận trong thời gian dài nhưng bị đơn chưa trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ, bị đơn không trả. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các thông báo, văn bản tố tụng cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối cung cấp cho Tòa án, do đó có căn cứ xác định “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 21-12-2016 Âm lịch (nhằm ngày 18-01-2017 năm dương lịch) mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và thời hạn trả nợ như nguyên đơn đã trình bày cho Tòa án là đúng sự thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 21-12-2016 Âm lịch (nhằm ngày 18-01-2017 năm dương lịch) do nguyên đơn cung cấp bản gốc có trong hồ sơ thể hiện, bà Trần Thị Kim M có ký vào “*Giấy mượn tiền*” vay tiền của bà Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) thời hạn 10 tháng. Do bà Trần Thị Kim M không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo thỏa thuận, nên đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim M thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

[5] Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị kim M được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, do bà Trần Thị Kim M vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Kim M phải trả số tiền nợ 15.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Khi vay tiền các bên không có thỏa thuận về lãi suất cũng như mức lãi suất phù hợp với lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa là vay không có lãi. Nên đây là trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về lãi, mức lãi suất: Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không có yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nợ gốc mà bà M còn nợ bà H, nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên bà Trần Thị Kim M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 280, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trần Thị Kim M phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Kim M phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Hằng 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004293 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Công Tôn